

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 78/2018/DS-ST
Ngày: 16/10/2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Giảng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Tám**.

2/ Bà **Tôn Văn Hùng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Lê Quế Thanh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai
Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy: Bà Nguyễn Thị Liễu - kiểm sát
viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLST-DS ngày 10/01/2018 về việc: “*Tranh
chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-
DS ngày 25/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2018/QĐST-DS ngày
16/8/2018, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 65/2018/QĐST-DS NGÀY 02/10/2018
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Tuyết M (Lựu), sinh 1970.(vắng mặt)

Địa chỉ: 15/8 khu phố A, phường B, thị xã C, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh 1966.(Có mặt)

Địa chỉ: 12/314B khu phố D, phường E, thị xã C, Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Trần Thị D sinh 1966.(Có mặt)

Địa chỉ: Số 4, Nguyễn Văn Lo, kp. E, phường F, thị xã C, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn D, sinh 1953.(Có mặt)

Địa chỉ: 273/40/1 Nguyễn Văn Đậu, Phường M, Quận N, TP Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Văn M, sinh 1966.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 367 khu phố H, phường K, thị xã C, Tiền Giang.

2/ Ông Nguyễn Thanh , sinh 1964.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 15/8 khu phố A, phường B, thị xã C, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh 1966.(Có mặt)

Địa chỉ: 12/314B khu phố D, phường E, thị xã C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai bổ sung ,
biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà Cao Thị Tuyết M cũng như
đại diện ủy quyền Ông Nguyễn Văn D trình bày:

Bà M và bà Trần Thị D là chỗ quen biết với nhau nên vào ngày 27/9/2017, bà
M cho bà Trần Thị D vay số tiền 1.000.000.000 đồng, việc cho vay hai bên có làm
biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời gian vay là 01 tháng.

Sau khi vay, bà D có trả lãi cho bà M được 01 tháng tiền lãi là 30.000.000 đồng. Kể từ đó thì bà D không trả vốn và lãi cho bà M mặc dù bà M đã nhắc nhở, yêu cầu bà D trả nợ cho bà nhiều lần nhưng bà D không trả.

Nay bà Myêu cầu bà D trả cho bà M số tiền đã vay là 1.000.000.000 đồng, lãi suất là 1.6%/tháng, tính từ 27/10/2017 đến ngày 16/10/2018 là 186.000.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc và lãi mà bà D phải trả cho bà M là 1.186.000.000 đồng. Trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị D cũng như đại diện ủy quyền Ông Lê Văn D trình bày: Bà D thừa nhận ngày 27/9/2017, bà có vay của bà M số tiền 1.000.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Sau đó bà có trả lãi cho bà M 01 tháng tiền lãi là 30.000.000 đồng và không trả lãi nữa cho đến nay, nhưng bà có trả cho bà M số tiền 300.000.000 đồng nhưng hai bên không có viết biên nhận do bà tin tưởng bà M, (trước đây bà vay của bà M 02 tỷ đồng làm 02 biên nhận, mỗi biên nhận 01 tỷ, do không có tiền trả bà đã ủy quyền đối với chiếc xe ô tô tải của bà cho bà M với số tiền 950.000.000 triệu đồng và trả tiền mặt là 350.000.000 đồng, trong đó có biên nhận ngày 27/9/2017) sự việc này bà có trao đổi với bà M vào ngày 24/01/2018 và có ghi âm lại đồng thời cũng có làm bản tường trình lại nội dung đoạn ghi âm gửi Tòa án, trong đó có nội dung là bà M nói giữ số tiền đó để tính tiền lãi. Như vậy, thực tế bà chỉ còn thiếu bà M số tiền 700.000.000 đồng. Theo yêu cầu khởi kiện của bà M thì bà D không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 700.000.000 đồng, xin không trả lãi do hạn cảnh khó khăn. Nếu tính lãi thì trừ số tiền bà D đã trả là 30.000.000 đồng.

* Ông Nguyễn Văn D đại diện ủy quyền của Ông Nguyễn Thanh P trình bày: Việc vay tiền và trả tiền giữa bà M và bà D ông không biết nên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả nợ đã vay là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Cai Lậy nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

Xét yêu cầu của các đương sự :

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không xét.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị D trả số tiền đã vay là 1.000.000.000 đồng và lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 27/10/2017 đến ngày 16/10/2018 là 11 tháng 20 ngày là 186.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.186.000.000 đồng. Trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với yêu cầu trả số tiền đã vay là 1.000.000.000 đồng. Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ (giấy vay nợ) mà nguyên đơn cung cấp cũng như lời trình bày của bị đơn, USB ghi âm cuộc đối thoại giữa bà M và bà D ngày 24/01/2018 thì việc cho vay giữa Bà Cao Thị Tuyết M và bà Trần Thị D có làm biên nhận, số tiền vay là 1.000.000.000.000 đồng, lãi suất do các bên thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn

vay là 01 tháng. nhưng bà Dchỉ thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho bà M01 tháng là 30.000.000 đồng mà không trả nợ gốc và lãi suất cho bà Mnên bà Myêu cầu bà Dphải trả cho bà M1.000.000.000 đồng. Bà Dcho rằng bà đã trả cho bà Msố tiền 300.000.000 đồng nhưng do tin tưởng nhau nên bà không có làm biên nhận, nhưng sau khi bà Mkhởi kiện bà để đòi số tiền 1.000.000.000 đồng thì bà có điện thoại trao đổi với bà Mvào ngày 24/01/2018 đồng thời bà có ghi âm lại cuộc đối thoại, trong đoạn ghi âm bà Mthừa nhận có nhận số tiền đó nhưng giữ lại để tính tiền lãi do bà chưa trả lãi cho bà Mnhư hợp đồng vay, nếu tính lãi dư ra sẽ trả lại. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận nội dung đoạn ghi âm và trích dẫn nội dung đoạn ghi âm mà bà Dcung cấp là đoạn đối thoại giữa bà Dvà bà M, nhưng việc bà Mnhận số tiền của bà Dbao nhiêu ông không rõ, bà Mcũng không nói là nhận số tiền cụ thể bao nhiêu, bà Dcòn nợ lại bao nhiêu, theo ông biết thì bà Mcó cho bà Dvay 2.000.000.000 đồng và làm mỗi biên nhận là 1.000.000.000 đồng, ông được ủy quyền khởi kiện số tiền 1.000.000.000 đồng còn việc thanh toán tiền vay như thế nào ông không biết. Hội đồng xét xử thấy rằng theo lời thừa nhận của phía nguyên đơn, về cuộc hội thoại trong đoạn ghi âm mà bà Dtrích ra có nội dung: “ Bà Mnói: nhưng tại giờ em ủy quyền cho Luật sư cái biên nhận 01 tỷ rồi, còn cái phần đó thì em tính tiền lời bao nhiêu thì em trừ lại cho chị bấy nhiêu...”; Bà Dnói: ... Ủa, vậy thì Lựu (bà M) viết 01 tỷ, người ta thiếu có 07 trăm mà viết 01 tỷ thì Lựu còn 03 trăm triệu”; Bà Mtiếp: “ ... Cho nên là những cái tiền bữa chị đưa cho em mấy trăm đó là tiền đó em để em tính tiền lời với chị nhưng mà ngày đó chị có thiện chí trả em sẽ trừ ra, phải không”. Bà Dđã đưa ra nội dung thông tin đã trả còn lại 700.000.000 đồng nhưng bà Mkhông phản đối mà thừa nhận bà Dcó đưa mấy trăm đó là để tính tiền lời. Từ đó cho thấy lời trình bày của bà Dlà có căn cứ nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Dtrả cho Bà Cao Thị Tuyết M số tiền 700.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

+ Về tiền lãi: Bà Myêu cầu bà Dtrả lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 27/10/2017 đến ngày 16/10/2018 là 11 tháng 20 ngày là 186.000.000 đồng. Bà Dxin không trả lãi, nếu tính lãi thì trừ số tiền đã trả lãi trước là 30.000.000 đồng. Yêu cầu này của bà Mphù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận nhưng cần tính lại lãi suất từ ngày 27/9/2017 đến ngày 16/10/2018 là 12 tháng 20 ngày để trừ vào phần lãi mà bà Dđã trả trước do thỏa thuận tiền lãi trái quy định pháp luật. Như đã nhận định ở phần trên nên chỉ buộc bà Dtrả tiền lãi cho bà Msố tiền lãi trên số tiền 700.000.000 đồng: $(700.000.000 \text{ đồng} \times 1.6\% \times 12 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} - 30.000.000 \text{ đồng}) = 108.133.333 \text{ đồng}$.

+ Về thời hạn thanh toán: Bà Myêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về án phí: Bà Cao Thị Tuyết M và bà Trần Thị Dphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự ;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Trần Thị Dtrả cho Bà Cao Thị Tuyết M số tiền đã vay và lãi suất là (700.000.000 đồng + 108.133.333 đồng) = 808.133.333 đồng. Thời hạn thanh toán tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày bà Mcó đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan thi hành án dân sự mà bà Dkhông thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Dcòn phải trả cho bà Mkhoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Dphải chịu số tiền 36.244.000 đồng; Bà Cao Thị Tuyết M phải chịu 18.893.333 đồng. Bà Mđã nộp tạm ứng án phí số tiền 24.250.000 đồng theo biên lai thu số 0001300 ngày 09/01/2018 và số 0001512 ngày 02/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên được hoàn lại số tiền 5.356.667 đồng.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng